



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Hà Công Vân
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 402/23 Kham Đa Thiên phường 08 Đà Lạt

Date of Birth: 11-08-1951 Place of Birth: Tu' Đạt

Thang - Ngay - Nam
Previous Occupation (before 1975) Trong Quân đội thuộc Tiểu đoàn và Sư đoàn Quân
(Rank & Position) Số quân 51/406.502 cấp bậc Binh Sĩ

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From Đại Bình To 2304 Xuân Tảo
(Thang - Ngay - Nam) Years: 18 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN [✓] Anh Tuyet	1959	✓P

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Tỉnh, Thành phố Đà Lạt

Huyện, Quận

Xã, Phường 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT6

Quyển số 21

Số 22

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ Nguyễn Đức Quyết

Sinh ngày 1958

Quê quán Định Viễn

Nơi thường trú 404/3 P8 Đà Lạt

Nghề nghiệp Làm việc

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 250009283

Họ tên chồng Hà Công Văn

Sinh ngày 11-08-1951

Quê quán Hà Giang Hà Nội

Nơi thường trú 402/23 P8 Đà Lạt

Nghề nghiệp Làm việc

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 250077102

Ngày 17 tháng 06 năm 1992

Chữ ký người vợ

Nguyễn Đức Quyết

Chữ ký người chồng

Hà Công Văn



P-8

C1

Chức vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Đà Lạt

Huyện, Quận

Xã, Phường 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/MT6

Quyển số 21

Số 28

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ Nguyễn Thị Tuyết

Sinh ngày 1959

Quê quán Thị trấn

Nơi thường trú 404/3 PB Đà Lạt

Nghề nghiệp Làm T.B.N.

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt-Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 20009283

Họ tên chồng Hà Công Văn

Sinh ngày 11-08-1951

Quê quán Hà Giang Hà Nội

Nơi thường trú 402/23 PB Đà Lạt

Nghề nghiệp Làm việc

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt-Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 25047402

Chữ ký người vợ

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày 17 tháng 06 năm 1992

Chữ ký người chồng

Hà Công Văn



P-3

CI

Chị - 1. Tuyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân 163
Số 88 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Hộc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

2 5 8 0 8 0 0 0 4 5 1

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định thứ số 01/HSP ngày 11 tháng 01 năm 1980

của Tòa phúc thẩm Tịa TP/Hồ chí Minh.

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Hà Công Văn

Sinh năm 19 51

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Đa Lạt.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **402/20 ấp đa thiện Phường 4.**

Đa Lạt.

Cán tội **Tham gia tổ chức lực lượng phục hưng tổ quốc việt nam**

Bị bắt ngày **02/12/1978**

Án phạt **18 năm**

Theo quyết định, án văn số / ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án **07** lần, cộng thành **06** năm tháng

Nay về cư trú tại **402/20 ấp đa thiện. Phường 4. Đa Lạt.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: theo biểu hiện an tâm học tập cải tạo không có biểu hiện gì.

Lao động: Tích cực hoàn thành tốt mọi công việc của bộ giao. Có tinh thần b'ao vệ tại s'ân cho tập thể.

Nội quy: Chấp hành nghiêm không vi phạm gì.

(Tạo quyền bầu cử ứng cử trong thời hạn 05 năm sau khi mãn hạn tù)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng **12** năm 19 **90**

Lần tay ngôn trở phải

Của

Danh bìn

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Hà Công Văn.

PHUC

Ngày **2** tháng **12** năm 19 **90**

/ Giám thị

12 năm 19 90

Hà Công Văn

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân lộc
Số 88 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

2 5 8 0 8 0 9 0 4 5 I

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;
Thi hành án văn, quyết định thả số 01/HSP ngày 11 tháng 01 năm 1980
của Tòa phúc thẩm T.1 H/Hồ chí Minh.

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh Hà Công Văn Sinh năm 19 91
Các tên gọi khác

Nơi sinh Đa Lạt.
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 402/20 ấp đa thiện Phường 4.
Đa Lạt.

Can tội Tham gia tổ chức lực lượng phục hưng tổ quốc việt nam
Bị bắt ngày 02/12/1978 An phạt 18 năm
Theo quyết định, án văn số / ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng
Đã được giảm án 07 lần, cộng thành 06 năm tháng
Nay về cư trú tại 402/20 ấp đa thiện. Phường 4. Đa Lạt.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tu tưởng: Co biểu hiện an tâm học tập chỉ tạo không co biểu hiện
gì.
Lao động: Tích cực hoàn thành tốt mọi công việc ca n bộ giao. Co
tinh thần b'ao vệ tại s'ân cho tập thể.

Hội quy: Chấp hành nghiêm không sai phạm gì.
(Tức quyền bầu cử ứng cử trong thời hạn 03 năm sau khi mãn hạn
Tu)
Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:
Trước ngày tháng 12 năm 19 90

Lấn tay ngón trỏ phải
Của
Đánh dấu
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 2 tháng 12 năm 19 90
/ Giám thị

Hà Công Văn.

PHƯỜNG 4 12 1990

Thị trấn Đa Thiện



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#:

VEWL#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Hà Công Vân
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)
- Current Address: A02/23 Khóm An Thiên Phường 8 Đalet
- Date of Birth: 11-08-1951 Place of Birth: Tại Đalet
Thang - Ngay - Nam
- Previous Occupation (before 1975) Long quân đội thuộc Tổng vụ An ninh Quốc gia VN
(Rank & Position) Số quân 57/406, 502 cấp bậc Binh sĩ
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From Đầu - Bình Định To 2304 xuân lộc
(Thang - Ngay - Nam) Years: 12 Months: 0 Days:
3. SPONSOR'S NAME:
(Neu co) Name
- Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Thi Dung	1959	Wife

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

HA. CONG. VAN
Ant. Com. #127
9/92